

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA- TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Loan

2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Huy Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2022/ TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXX- ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G - sinh năm 1975

Nơi ĐKKHKT: phố Q, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: phố N, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đào Trọng T - sinh năm 1973

Địa chỉ: phố Q, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị G và anh Đào Trọng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/3/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh T tính cách không hợp, thường xuyên cãi nhau; anh T đánh đập, bạo hành gia đình, thậm chí còn ngoại tình và có con riêng. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2006 đến nay không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Nay chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn

nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị đ-ợc ly hôn anh Đào Trọng T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Đào Trọng Đ sinh ngày 19/10/1993 (đã thành niên) và cháu Đào Trọng C sinh ngày 23/11/2004. Ly hôn, chị G xin được trực tiếp nuôi cháu C và không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Đào Trọng T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay thế thành viên những người tiến hành tố tụng nhưng anh không có mặt. Tại biên bản lấy lời khai tại nhà anh Đào Trọng T, anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/3/2002. Quá trình chung sống do bản thân anh phải đi chấp hành án phạt tù nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Anh và chị G không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, không còn yêu thương, trách nhiệm với nhau. Nay chị G làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, anh yêu cầu chị G phải về gặp và nói chuyện rõ ràng với anh thì anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị G có 02 con chung là cháu Đào Trọng Đ sinh ngày 19/10/1993 (đã thành niên) và cháu Đào Trọng C sinh ngày 23/11/2004. Cháu C hiện đang ở với mẹ, anh không có ý kiến gì về phần nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 16/5/2022, ý kiến của cháu Đào Trọng C là nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Trưởng phố nơi anh T, chị G cư trú cung cấp nội dung như sau: anh T, chị G đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa năm 2002. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau tại phố Q, phường A, thành phố T – thuộc khu phố ông quản lý. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn nhưng chưa thấy anh chị báo cáo với địa phương. Chị G, anh T đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Chị G có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị G có 02 con chung là cháu Đào Trọng Đ sinh ngày 19/10/1993 (đã thành niên) và cháu Đào Trọng C sinh ngày 23/11/2004, về nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là không tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của pháp luật.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Đào Trọng T kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố T, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2006 vợ, chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, xử cho chị G được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Đào Trọng C cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Đào Trọng T đang cư trú tại phố Q, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh T vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung*:

- *Về hôn nhân*: Chị G, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, anh T phải đi chấp hành án nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Chị G và anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Tuy anh T không đồng ý ly hôn

nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh T các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Điều này cho thấy anh T cố tình bỏ mặc cuộc hôn nhân giữa anh và chị G, không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, không có biện pháp nào hàn gắn hạnh phúc gia đình. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị G, xử cho chị G được ly hôn anh T.

- *Về nuôi con*: Anh T và chị G có 02 con chung là cháu Đào Trọng Đ sinh ngày 19/10/1993 (đã thành niên) và cháu Đào Trọng C sinh ngày 23/11/2004. Ly hôn, chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có ý kiến gì về phần nuôi con. Xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị G là chính đáng. Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là trách nhiệm của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi phải xem xét mọi mặt, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, cũng như phải xem xét đến nguyện vọng của con trên 7 tuổi theo quy định của pháp luật. Cháu C xin được sống cùng với mẹ. Hơn nữa, chị G và anh T sống ly thân từ năm 2006 đến nay, cháu C đều ở với mẹ. Do vậy, cháu đã ổn định về sinh hoạt và quen với sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt vật chất cũng như tinh thần khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu C cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp nuôi con chung là phù hợp.

- *Về tài sản chung*: Chị G, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị G chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị G ly hôn anh Đào Trọng T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đào Trọng C sinh ngày 23/11/2004 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp nuôi con với chị G. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị G, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001744 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị G đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị G, anh Đào Trọng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS - TP Thanh Hoá;
- L- u hồ sơ .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Nga